

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIỆM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

Người giảng: Lão Pháp Sư Tịnh Không

Tập 59

Kinh văn: “**A Nan để thính, thiện tư niệm chi, ngô đương vi nhữ, phân biệt giải thuyết**”.

Tôn giả A Nan khái thính (hiện tại chúng ta gọi là thính pháp), Thế Tôn hứa khả đáp ứng vì ông giảng giải. Trước khi giảng Kinh, đặc biệt dặn bảo ông “*để thính*”. “*Để thính*” chính là nghe tỉ mỉ, chú tâm mà nghe.

“*Thiện tư niệm chi*”. “*Tư niệm*” lại thêm một chữ “*thiện*”, trong đây liền có sự khác biệt rất lớn. Người thế gian thông thường tư niệm là dùng ý thức, thêm vào một chữ thiện là không dùng ý thức, vậy mới gọi là thiện. Trong Thiền Tông, lìa tâm ý thức mà tham, cho nên gọi là tham cứu, không gọi là nghiên cứu. Nghiên cứu là dùng tâm ý thức, tham cứu thì không dùng tâm ý thức. Giáo Hạ cũng không ngoài lệ, cho nên ở trên Kinh Phật dặn bảo những người đương cơ đều bảo họ “*thiện tư niệm chi*”, cũng phải lìa tâm ý thức. Không lìa tâm ý thức, bạn sẽ không khai ngộ. Thiện tư niệm chi ngay chỗ này chính là có chỗ ngộ. Sau khi bạn nghe rồi, thể ngộ được cảnh giới mà Phật đã nói, không rơi vào trong phân biệt chấp trước, đó mới gọi là thiện tư niệm. Cho nên câu nói này vô cùng quan trọng. Nghiêm khắc mà nói, nghe Kinh có phải là nghe một câu này? Không biết nghe thì “*tư niệm chi*”, người biết nghe thì “*thiện tư niệm chi*”, khác biệt rất to lớn. Chỗ này chúng ta phải đặc biệt lưu ý.

Phần tựa đến chỗ này thì giảng xong, Kinh văn phía sau là phần chánh tông của quyển Kinh. Ở ngay trong một đoạn lớn, chúng ta đã dùng thời gian tương đối dài, đem thông tựa và biệt tựa của quyển Kinh, hai phẩm phía trước là thông tựa của bốn Kinh, phẩm thứ ba là phần tựa của bốn Kinh. Biệt tựa cũng gọi là phát khởi tựa, phát khởi chánh văn của toàn Kinh. Thế là chúng ta rất rõ ràng thấy được ở trong văn tự, phát khởi của Kinh Đây là Tôn giả A Nan thưa hỏi, Thế Tôn vì ông mà nói.

Năm ý nghĩa trong lời tựa phát khởi

Trong lời tựa phát khởi, người xưa nói ở trong đây có năm loại ý nghĩa.

- Thứ nhất, Thế Tôn phóng quang hiện ra tướng lạ, cũng là tăng cường tín tâm của chúng ta. Tu học Phật pháp, then chốt của thành công là xây dựng ở trên nền tảng tín tâm, đặc biệt là pháp môn Tịnh Độ. Đại Sư Ngẫu Ích giảng cho chúng ta nghe ba tư lương của Tịnh Độ, ba điều kiện này thiếu một cũng không được. Ba điều kiện này là “*tín-nguyện-hạnh*”. Tín đứng đầu tiên, cho nên ở trong đoạn này đích thực là khiến cho chúng ta kiên định tín tâm. Tại vì sao kiên định tín tâm? Xem thấy Thế Tôn niệm A Di Đà Phật được A Di Đà Phật và mười phương tất cả chư Phật Như Lai gia trì, ngày hôm nay màu sắc đặc biệt đẹp. A Nan tuy là thị giả của Phật, nhưng từ trước đến giờ chưa từng thấy qua sắc tướng Thế Tôn đẹp như ngày hôm nay. Ngay chỗ này cũng chứng minh cho chúng ta một sự thật: “*Tướng tùy tâm chuyển*”, cho dù là Thích Ca Mâu Ni Phật cũng không ngoại lệ. Bạn thấy, Ngài tướng Phật, tướng A Di Đà Phật thì sắc tướng trang nghiêm không gì bằng. Nếu Ngài không tướng A Di Đà Phật thì sắc tướng đó sẽ kém một chút. Đó là rất rõ ràng. Như vậy chúng ta mới biết được, nếu như chúng ta một ngày từ sớm đến tối niệm Phật thì dung mạo này dần dần niệm niệm sẽ giống như A Di Đà Phật vậy. Đây là đạo lý nhất định, cho nên kiên định tín tâm của chúng ta.

- Thứ hai, A Nan là đại biểu cho chúng ta, xem thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tướng hảo quang minh nên sanh tâm hoan hỷ, liền bước ra thưa hỏi. Trong thỉnh giáo có hai ý nghĩa. Ý thứ nhất là ngày nay Phật có sắc tướng đặc biệt, nhất định là trong lòng có ý niệm đặc biệt, bởi vì cảnh tùy tâm chuyển mà Phật thường hay nói, A Nan và đại chúng đương nhiên đều rất quen thuộc. Thân thể của chúng ta là một cảnh giới gần nhất trong cảnh giới của chúng ta, cho nên trong lòng của chúng ta có bất cứ ý niệm gì đều không thể giấu được người, đều hiện ra trên khuôn mặt chúng ta. Người tâm ý qua loa thì không thể nhìn ra, người tâm ý tỉ mỉ vừa nhìn thì sẽ rõ ràng, đặc biệt là người tu hành. Người tu hành có công phu thì sao mà không tường tận? Vừa nhìn thì hiểu rõ. Thậm chí không cần nhìn chính người đó, nhìn tám hình, bạn đưa mười tám hình cho họ xem, họ xem trên tám hình đó bạn khởi ý niệm gì, tám hình khác thì bạn khởi ý niệm gì, trên khuôn mặt có thay đổi thì làm gì có thể giấu được người? Cho nên Thế Tôn tâm nhất định trụ đặc kỳ pháp, Ngài hiện ra là tướng đặc biệt, vì vậy A Nan nghĩ Phật nhất định là đang niệm Phật. A Nan vì sao có thể hỏi được ý này? Không phải là người thông thường có thể hỏi ra được, nếu như chúng ta xem thấy Thích Ca Mâu Ni Phật hiện ra hiện tướng này, nhiều nhất là trong lòng hoan hỷ, không thể nói ra được một câu nào. Từ ngay chỗ này mà thể hội, A Nan không phải là người thông thường, A Nan cũng là chư Phật Bồ Tát Pháp Thân Đại Sĩ thị hiện, các Ngài đến

để hát xướng, để biểu diễn. Đạo lý này phải nên hiểu. Hội “Kinh Vô Lượng Thọ” và “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm” không hề khác nhau, đều là chư Phật Như Lai, Pháp Thân Đại Sĩ đến biểu diễn, cho nên Ngài mới có thể hỏi ra được. Nếu như là chúng sanh trong mười pháp giới thì căn tánh khác biệt với chư Phật Như Lai, rất khó, không thể hiểu rõ được chân tướng sự thật thì làm sao có thể hỏi ra được chứ? Đây là ý thứ hai.

- Thứ ba, khi A Nan vừa hỏi, Thích Ca Mâu Ni Phật đặc biệt tán thán Ngài, khi vừa hỏi thì công đức không thể nghĩ bàn. Ở trong đây Phật nói ra một câu rất quan trọng là “*đương lai nhất thiết hàm linh, giai nhân nhữ vấn, nhi đắc độ thoát*”. Câu nói này chúng ta quyết không thể xem thường lướt qua. Câu nói này vô cùng quan trọng, nói rõ một sự thật, chúng sanh chín cõi mười phương ba đời sẽ nhân pháp môn này mà được độ. Các vị tỉ mỉ mà nghĩ lại xem câu nói này, tất cả pháp môn khác tuy có thể được độ nhưng không thể nắm chắc, không dám khẳng định, chỉ có pháp môn này hoàn toàn khẳng định, một chút hoài nghi cũng không có, trừ khi những chúng sanh này không có được phước vận này, không có duyên phận này, ngay đời này không thể gặp được thì không còn cách nào. Chỉ cần có duyên phận gặp được, không luận thiện căn của bạn dày hay mỏng, chỉ cần bạn có thể tin, có thể nguyện, chịu niệm A Di Đà Phật thì bạn quyết định được sanh đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc, ngay trong một đời quyết định thành Phật. Bạn nghĩ lại xem, pháp môn này thù thắng cỡ nào! Cho nên, thời đại Tùy Đường, đại đức xưa nói “Hoa Nghiêm” và “Pháp Hoa” đều là chỉ đạo của Kinh này. Câu nói này không hề quá đáng, người nói câu này là người tái sanh, nếu không phải là người tái sanh thì không thể nói ra được.

- Thứ tư, Phật lại nói với A Nan: “*Như Lai chi sở dĩ xuất thế, tưu thị vi liễu, dục trửng quần minh, huệ dĩ chân thật chi lợi*”. Huệ là cho họ. Quần minh đặc biệt là chỉ chúng sanh sáu cõi, nếu như mở rộng phạm vi này một chút là mười pháp giới. Mười pháp giới đều chưa kiến tánh, tuy là ra khỏi sáu cõi. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới chưa kiến tánh. Phật làm gì để giúp đỡ họ, cho họ lợi ích chân thật? Lợi ích chân thật là gì vậy? Hồng danh sáu chữ. Lợi ích chân thật chính là “Kinh Vô Lượng Thọ”, ngày nay chúng ta gọi là pháp bảo. Pháp bảo vô lượng vô biên, Kinh này là pháp bảo đệ nhất. Cho dù hiện tại còn có một số người không thể tiếp nhận bốn hội tập của Hạ Lão cư sĩ, tại vì sao họ không thể tiếp nhận? Trong đây có hai nguyên nhân, một loại là trí tuệ không đủ nên không thể tiếp nhận, còn một loại là thành kiến quá sâu, tôn trọng nguyên bản dịch, xem thường bốn hội tập, đó là thành kiến quá sâu. Chúng ta

xem thấy trong Vãng Sanh Truyện, ban đầu cư sĩ Vương Long Thư hội tập, cư sĩ Long Thư vãng sanh, trong Vãng Sanh Truyện có Ngài. Hội tập lần thứ hai là cư sĩ Ngụy Mặc Thâm, trong Vãng Sanh Truyện cũng có Ngài. Ngay đến bản tiết hiệu của Bành Tế Thanh, trong Vãng Sanh Truyện cũng có ông. Hạ Liên Cư là hội tập sau cùng, trong “Cận Đại Vãng sanh truyện” của Pháp sư Khoan Luật có Hạ Liên Cư. Những người này thấy đều vãng sanh, đều ở Thế giới Cực Lạc. Bạn cực lực bài trừ phản đối, tương lai đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc gặp được ông ấy thật là cảm thấy rất hổ thẹn, xấu hổ biết chừng nào! Chỉ sợ bạn đi không được, thật có thể đi được thì khi gặp mặt thật là hổ thẹn. Cho nên, chúng ta nhất định phải rõ lý. Trong lời tựa của cư sĩ Mai Quang Hi đã viết một lời tựa dài đến như vậy chính là hy vọng mọi người đều có thể tiếp nhận quyền hội tập này. Trong lời tựa nói rất hay, tương lai Phật pháp sau chín ngàn năm nữa, sau khi Phật pháp hoàn toàn diệt mất, Kinh Vô Lượng Thọ vẫn lưu truyền ở thế gian thêm 100 năm. Cụ Mai cho rằng, tương lai quyền Kinh còn có thể lưu hành nhất định là quyền hội tập này, mọi người chúng ta có thể tin tưởng hay không? Tôi tin tưởng. Tôi dựa vào cái gì để tin tưởng? Rất nhiều quyền thấy đều mở ra, quyền này thì rất dễ đọc, quyền này thì rất dễ hiểu. Chín nguyên bản dịch bày ra trước mắt, bạn chọn lựa quyền nào? Bạn nhất định sẽ chọn quyền này. Quyền này tương lai lưu thông đến pháp diệt tận. Các quyền khác không tệ, cũng rất tốt, nhưng khi đọc thì không dễ đọc, đọc không được thuận miệng, ý nghĩa luôn là cảm thấy xa lạ, không được viên dung như quyền này, vừa xem thì liền hiểu rõ. Cho nên chỗ nào trong nguyên bản dịch không rõ nghĩa, họ đều không có lấy. Lấy chỗ nào để vào rất dễ hiểu, hơn nữa ý nghĩa rất hoàn chỉnh. Đó là biên tập sắp xếp mới lại, tổng hợp mới lại, không dễ dàng. Hạ lão dùng thời gian mười năm hoàn thành quyền hội tập này. Ngày nay ở Đại Lục, có rất nhiều người đều tiếp nhận thọ trì đọc tụng quyền này, chúng ta xem thấy đều rất hoan hỉ.

- Thứ năm, chư Phật Như Lai đều biết, pháp môn này là pháp khó tin ở thế gian. Pháp khó tin, đây không phải là người thông thường nói, mà là Phật nói, cho nên Thế Tôn sau cùng tự mình nói ra: “*Như Lai giác trí nan lượng thân thông vô ngại, định huệ cứu sống vô cực ư pháp tự tại*”. Như những lời nói này, Thế Tôn chính mình nói ra, quyết không khoa trương, vạn nhất không nên nghi hoặc. Nếu như nghi hoặc thì lợi ích thù thắng không gì bằng để lỡ qua trước mặt, vậy thì thật đáng tiếc. Cho nên chúng ta xem thấy phát khởi ở trong Kinh này đích thực là tăng thêm tín tâm của chính chúng ta, tăng thêm nguyện tâm của chính chúng ta. Đại Sư Ngẫu Ích nói với chúng ta ở trong “Yếu Giải”: “*Tín-nguyện-trì*

danh” (trì danh là hành). Ba điều kiện này không thể thiếu một, xây dựng tín tâm xếp ở hàng thứ nhất. Trong phần tựa Kinh này, Phật liền nói ra trước: “*Khai hóa hiển thị chân thật chi tế*”. Câu nói này nếu dùng lời hiện đại mà nói, chính là khai hóa hiển thị chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Chân thật chi tế chính là chân tướng sự thật, cho nên liền có thể tin tưởng bốn Kinh này. Tác dụng của bộ Kinh này chính là “*huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi*”, đều nói ra ở trong lời tựa, đó là nói phải nên tin tưởng. Ngài nói ra là chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh, đáng được cho chúng ta tin tưởng, mang đến cho chúng ta lợi ích chân thật, vậy thì phải nên tin tưởng hay không? Như những lời này, mỗi câu mỗi chữ đều là lời vàng ngọc, chúng ta phải tỉ mỉ mà thể hội.

Phần tựa quan trọng nhất là chân tín, chúng ta ở ngay chỗ này xây dựng tín tâm, tuân theo giáo huấn của Phật. Phật bảo: “*A Nan lắng nghe*”, A Nan là đại diện của chúng ta, trên thực tế chính là bảo chúng ta phải lắng nghe. “*Thiện tu niệm chi*” chính là bạn phải khéo thể hội, không dùng tâm ý thức, không cần phân biệt, càng không nên chấp trước, muốn bạn phải dụng tâm mà thể hội, bạn mới có chỗ ngộ. Chỗ ngộ này giúp cho bạn nhìn thấu buông bỏ, giúp đỡ bạn một lòng chuyên niệm. Một lòng chuyên niệm chính là tu hành, không luận vào bất cứ lúc nào, không luận ở bất cứ trường hợp nào, trong lòng luôn chỉ là một câu A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật ra, buông bỏ vạn duyên. Nhất định phải nên biết, thiện duyên, ác duyên thế gian đều là một mảng không, không phải sự thật. Trên “*Kinh Kim Cang*” nói được rất rõ ràng: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh*”. Phân biệt mà còn không thể thì làm sao có thể chấp trước? Lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chân tâm của bạn liền hiện tiền. Chân tâm là tâm Phật, chân tâm chính là bản tánh của bạn. Nói chân tâm hiện tiền chính là trong chân tâm bạn đầy đủ trí tuệ đức tướng đều hiện bày, bạn mới chân thật được thọ dụng. Cho nên Thế Tôn ở trên Kinh điển, mỗi câu mỗi chữ chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Trên Kinh Phật không có một chữ nào là lời thừa. Cái đẹp của văn tự Kinh điển, tổ chức kết cấu nghiêm mật, các vị có thể thấy được rõ ràng ở trong “*khoa hội*”. “*Phán khoa*” này là ở khóa bồi dưỡng thứ hai chúng ta hướng dẫn cho các đồng tu, chúng ta cùng nhau chế định. Đương nhiên chúng ta không thể nói chúng ta có thể phân được tốt nhất. Đây chỉ là bước đầu, nêu ra để mọi người cùng tham khảo.

Bạn thấy “*khoa phán*” phân Kinh của Đại đức xưa, chú giải của mỗi một nhà cách phân đều không như nhau. Quyển “*Kinh Vô Lượng Thọ*” này vào thời trước có “*khoa phán*” của Pháp sư Từ Chu. Pháp sư Từ Chu dùng quyển hội tập ban

đầu của Hạ Lão, vào lúc đó quyển này tổng cộng phân thành 37 phẩm, cho nên phán khoa của Pháp sư Từ Chu là 37 phẩm. Về sau, Hạ Lão tu sửa bổ sung cho quyển hội tập này đến mười lần, và phân thành 48 phẩm. Theo thiết nghĩ của chúng ta, ban đầu Hạ Lão phân thành 37 phẩm đại khái là dùng 37 Phẩm Trợ Đạo, sau đó lại phân thành 48 đại khái là 48 nguyện của A Di Đà Phật, có thể là loại khái thị này. Do đây có thể biết, “phán khoa” của một bộ Kinh chính là phân đoạn, phân đoạn lớn, đoạn vừa, đoạn nhỏ tuyệt nhiên không phải là nhất định. Mỗi một người có cách nhìn của chính họ, đều có thể nói ra được một tràng đạo lý. Vậy thì tốt, cũng chứng minh pháp không có định pháp. Đạo lý này nhất định phải hiểu, quan trọng nhất là phải hiểu được ý nghĩa của nó. Người xưa đã nói giáo lý giáo nghĩa, bạn phải có thể thông đạt giáo lý, thông đạt giáo nghĩa thì bạn mới có thể được thọ dụng. Đây là điểm ý nghĩa phía trước đã nói, ngay chỗ này tổng kết lại.

* * *

PHẨM THỨ TƯ: PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA

Kinh văn: **“Phật cáo A Nan, quá khứ vô lượng, bất khả tư nghì, vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế danh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”**.

Phần chánh tông mở đầu, trong “khoa phán” nói với chúng ta, từ phẩm thứ tư đến phẩm bốn mươi hai là phần chánh tông của bốn Kinh, chánh thuyết của bốn Kinh, chính thức vì mọi người giới thiệu y chánh trang nghiêm của Thế giới Tây Phương Cực Lạc. Trong phần này nói rõ nhân hạnh của A Di Đà Phật, tu hành ở nhân địa, giới thiệu hồng nguyện của A Di Đà Phật, giới thiệu y chánh trang nghiêm của Thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây là giới thiệu hoàn cảnh, hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất. Sau khi giới thiệu rồi, lại nói rõ cho chúng ta chánh nhân của ba bậc vãng sanh. Mọi người đều biết rõ ba bậc chín phẩm của Thế giới Cực Lạc, họ làm thế nào để tu học, làm thế nào vãng sanh? Việc này vô cùng quan trọng. Sau đó lại giới thiệu cho chúng ta người của Thế giới Tây Phương Cực Lạc, tình hình đời sống của họ, ở Thế giới Tây Phương Cực Lạc làm thế nào tu hành chứng quả. Những việc này chúng ta đều rất quan tâm.

Sau khi giới thiệu những việc này rồi, Thế giới Tây Phương Cực Lạc vẫn còn một hiện tượng đặc biệt, Thế Tôn cũng vì chúng ta nói ra *“biên địa nghi thành”*. Thực tế mà nói, vãng sanh Thế giới Tây Phương Cực Lạc đến biên địa

nghe thành cũng không tề, không phải sáu cõi luân hồi, cũng ra khỏi được sáu cõi, cũng ra khỏi được mười pháp giới, chẳng qua đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc nhất thời vẫn không thấy được Phật, vẫn không cách gì nghe Phật giảng Kinh nói pháp, không thấy được các đại Bồ Tát và pháp hội trang nghiêm, cho nên gọi là biên địa, không phải thật biên địa. Biên địa đều là tỉ dụ. Bởi vì bạn không thấy được Phật, cho nên gọi thai sanh. Thai sanh cũng là thí dụ, trên thực tế đều là do hoa sen hóa sanh, làm gì có thai sanh? Thai sanh là khổ. Ở Thế giới Tây Phương Cực Lạc không thấy được Phật, không thể nghe Phật nói pháp, vậy thì rất khổ. Đó là do nguyên nhân gì? Ở ngay đây, Phật cũng vì chúng ta giới thiệu ra. Hơn nữa mọi người yên tâm, biên địa nghe thành nhiều nhất cũng không quá 500 năm. Năm trăm năm là 500 năm của nhân gian chúng ta, không phải nói Thế giới Cực Lạc. Thời gian dài như vậy, bạn không thể nghe được pháp thấy được Phật. Thực tế mà nói, chúng ta ở thời gian này 500 năm rất lâu rất dài, bởi vì thọ mạng của con người rất ngắn, nhưng 500 năm ở Thế giới Tây Phương Cực Lạc thì không tính bao lâu, thời gian đó không dài, người người đều là Vô Lượng Thọ, 500 năm cũng chẳng qua là mười ngày hay nửa tháng, nhiều nhất là như vậy mà thôi. Ngay như vậy Phật cũng không mong muốn chúng ta ở biên địa nghe thành, Phật luôn là hy vọng chúng ta vừa đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc thì liền thấy được A Di Đà Phật. Phật từ bi đến tốt đỉnh.

Sau cùng, Phật đặc biệt nhắc nhở chúng ta, cảnh cáo chúng ta, thế gian này rất khổ, đời ác năm trược (trược chính là ô nhiễm), thế gian này ô nhiễm nghiêm trọng. Nếu như Phật không hết lời khuyên bảo nhắc nhở chúng ta, thành thật mà nói, chúng ta ở ngay trong ô nhiễm mà quên mất đi chính mình bị ô nhiễm. Khi mở quyển Kinh ra, mỗi khi đọc qua một lần chính là Thế Tôn nhắc nhở chúng ta một lần, nơi đây còn có thể ở hay sao? Ở nơi tâm lý bị ô nhiễm, tinh thần bị ô nhiễm, tư tưởng bị ô nhiễm, kiến giải bị ô nhiễm, thậm chí sinh lý bị ô nhiễm, hoàn cảnh đời sống bị ô nhiễm đều đạt đến chỗ cùng tột. Thân tâm ô nhiễm, cho nên cái thân này nhiều bệnh. Bạn thấy, thế gian này nhiều thứ bệnh kỳ quái, từ trước chưa từng nghe nói qua. Tại vì sao nhiều đến như vậy? Do ô nhiễm. Tâm lý bệnh rồi, thần kinh không bình thường. Sinh lý bệnh rồi, hiện tại có người nói địa cầu bệnh rồi, vậy thì phiền phức lớn rồi. Đây là nói rõ ác khổ đạt đến cùng tột. Cùng Thế giới Tây Phương Cực Lạc làm một sự so sánh, chúng ta gọi đó là Cực Lạc, ở nơi đây thì cực khổ, hai thế giới đối nhau rất rõ ràng. Những giới thiệu khai thị quan trọng này đều ở đoạn này. Đoạn Kinh văn này là cương lĩnh quan trọng nhất mà Tịnh Độ Tông nương tựa tu học. Văn tự tuy là không quá nhiều,

nhưng giới thiệu được rất rõ ràng, cho nên người xưa đem bộ Kinh này xem thành đệ nhất Kinh của Tịnh Độ là có đạo lý.

Trong đây phân làm hai đoạn lớn. Đoạn thứ nhất là “*chánh thuyết nhân địa*”, giới thiệu tình hình nhân địa tu học của A Di Đà Phật. Chỗ này rất đáng được chúng ta tham khảo, Kinh văn từ phẩm thứ tư đến phẩm thứ tám. Ở ngay chỗ này phương pháp của chúng ta không giống như phương pháp của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Chúng ta đem “Di Đà Nhân Địa” từ phẩm thứ tư đến phẩm thứ tám. Kinh văn này phía sau các vị có thể xem thấy được, phẩm thứ tám là “Tích Công Lũy Đức đệ bát”. Đoạn lớn thứ hai là “*quá đức viên mãn*”, từ phẩm thứ chín đến phẩm mười hai, chúng ta phân từ ngay chỗ này. “*Chánh thuyết nhân địa*” lại phân làm hai đoạn, đoạn thứ nhất “*tại gia văn pháp*”, đây chính là phẩm thứ tư “*Pháp Tạng Nhân Địa đệ tứ*”, nói rõ nhân duyên Ngài phát tâm học Phật.

Bây giờ chúng ta có thể xem Kinh văn.

“*Phật cáo A Nan*”. Thích Ca Mâu Ni Phật nói với A Nan: “*Quá khứ vô lượng không thể nghĩ bàn vô ương số kiếp*”. Câu này là nói thời gian. Thời gian này nói ra thì rất dài, quá khứ lâu xa về trước, “*vô ương số*” là không cách gì tính đếm. Thích Ca Mâu Ni Phật có nói là A Di Đà Phật thành Phật đến ngày nay mới có mười kiếp, vì sao nói “*bất khả tư nghị vô ương số kiếp*”? Nhiều nhất là nói quá khứ mười một kiếp, quá khứ mười hai kiếp, thì xem như thời gian A Di Đà Phật tu hành đã dùng hết năm kiếp, thành Phật đến hiện nay là mười kiếp nên là mười lăm kiếp về trước, hoặc giả là mười sáu kiếp, chúng ta nghe qua thì còn hợp lý, vì sao đột nhiên lại nói đến vô lượng vô biên vô số ức kiếp? Làm cho mình bị mê hoặc điên đảo. Cách nói này thế nào vậy? Ý này nói rõ, A Di Đà Phật nhân địa sớm đã thành Phật rồi, lần này ở Thế giới Tây Phương Cực Lạc thị hiện thành Phật cũng giống như Thích Ca Mâu Ni Phật 3.000 năm trước ở thế gian này của chúng ta thị tám tướng thành đạo. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật lúc nào vậy? Ngài đã nói qua trên “*Kinh Pháp Hoa*”, Ngài cũng là sớm thành Phật từ vô lượng kiếp, đến thế gian này thị hiện thành Phật giáo hóa chúng sanh. Các vị đọc “*Kinh Phạm Võng*”, Phật nói lần này là lần thứ 8.000. Không phải Thích Ca Mâu Ni Phật ba ngàn năm trước làm một vương tử xuất gia tu hành mới thành Phật, đó là biểu diễn cho bạn xem thôi, nhiều kiếp lâu xa đã sớm thành Phật, đó là lần biểu diễn thứ tám ngàn. Cho nên, ý nghĩa trong câu nói này nhiều. A Di Đà Phật ở Thế giới Tây Phương Cực Lạc thị hiện ở Tây Phương, xây dựng Thế giới Cực Lạc, độ hóa tất cả chúng sanh cũng là thị hiện, chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa này.

“*Hữu Phật xuất thế*”, đây là nói vào lúc đó có Phật xuất thế.

“*Danh Thế Gian Tự Tại Vương*”. Thế Gian Tự Tại Vương là Phật hiệu, danh hiệu của Phật gọi là Thế Gian Tự Tại Vương. “*Tự Tại*”, chỗ này thì không cần nói nhiều, phía trước đã giới thiệu qua với các vị mười tự tại mà trên “*Kinh Hoa Nghiêm*” đã nói qua rồi. Chư Phật Bồ Tát không có danh hiệu. Danh hiệu làm thế nào mà kiến lập? Là vì thuận tiện giáo hóa chúng sanh mà kiến lập. Hay nói cách khác, danh hiệu chính là ở trong một giai đoạn, tông chỉ giáo hóa ở một khu vực. Vì sao phải kiến lập tông chỉ? Từ do đâu mà có? Là chúng sanh ở một khu vực này có những tâm bệnh gì, phải dùng phương pháp gì để thay đổi những tâm bệnh này. Như Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta, vì sao Ngài không xưng là Thế Gian Tự Tại Vương? Tại vì sao gọi là Thích Ca Mâu Ni Phật? Xin nói với các vị, nếu Thế Gian Tự Tại Vương Phật muốn đến thế gian này của chúng ta, Ngài cũng xưng là Thích Ca Mâu Ni Phật; Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta muốn đến thế gian đó của Ngài thì cũng xưng là Thế Gian Tự Tại Vương. Các vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này.

Tại vì sao Phật ở thế gian này xưng là Thích Ca Mâu Ni? Bởi vì chúng sanh của thế gian này thiếu kém tâm từ bi, tự tư tự lợi, Phật muốn đem tâm bệnh của chúng sanh tu sửa lại thì phải thiết lập tông chỉ giáo học, tông chỉ này là “*Thích Ca*”. Thích Ca là tiếng Phạn, dịch thành ý Trung văn là “*Năng Nhân*”, nhân từ. Chúng ta không có tâm nhân từ, thiếu kém nhân từ, cho nên hai chữ Thích Ca này chính là nhân từ, đề xướng nhân từ.

Bệnh lớn thứ hai là chúng sanh ở thế gian này tâm không thanh tịnh, vọng tưởng tạp niệm quá nhiều, cho nên trong danh hiệu có chữ “*Mâu Ni*”. Mâu Ni dịch thành ý nghĩa Trung Văn là “*Tịch Diệt*”. “*Tịch*” là ý nghĩa tịch tịnh thanh tịnh, “*Diệt*” là diệt tất cả vọng tưởng tạp niệm. Cho nên danh hiệu của Phật là nhằm bệnh căn của chúng sanh ở thời này, chốn này mà xây dựng, vì vậy bạn xem danh hiệu của Phật Bồ Tát liền biết được Ngài độ là loại chúng sanh nào. Danh hiệu này liền khởi tác dụng, cũng giống như thầy thuốc đưa ra phương thuốc, thuốc đến thì bệnh khỏi, ý nghĩa ở ngay chỗ này.

Ngày nay chúng ta ở ngay đây xem thấy Thế Gian Tự Tại Vương, nghĩ lại những chúng sanh ở thời đại đó của Ngài đại khái là bị những tâm bệnh gì? Nhất định rất là bảo thủ, rất là chấp trước, cho nên Phật phải dùng phương pháp này để giúp đỡ họ, phá trừ quan niệm bảo thủ của họ, đả phá vọng niệm chấp trước của họ, dùng danh hiệu như vậy. “*Tự Tại*” lại thêm vào chữ “*Vương*”, Vương cũng là

ý của Tự Tại, đặc biệt cường điệu Tự Tại. Đây là biệt hiệu của Phật. Biệt hiệu đều là vì chúng sanh mà kiến lập. Danh hiệu của Bồ Tát cũng là vì độ chúng sanh mà kiến lập, chỗ này các vị đồng tu nhất định phải biết. Cho nên, danh hiệu công đức không thể nghĩ bàn, đó là biểu pháp.

Người xưa đối với việc đặt tên cho con cái đều rất có ý nghĩa, ý nghĩa này đều rất sâu. Cho nên chúng ta đọc được ở trong Lễ Ký, tên một người là cha mẹ ban cho bạn cái mệnh, một người ở ngay trong một đời muốn thay đổi tên của mình là đại bất hiếu. Tự thì có thể thay đổi. Danh và tự là hai tên. Tự thì có thể thay đổi, vì sao vậy? Không phải cha mẹ mệnh danh cho bạn. Tự là vào khi bạn thành niên, bạn đồng lứa của bạn tặng cho bạn. Thế nhưng hiện tại, cái tự này phần nhiều là chính mình ưa thích dùng tên gì thì dùng tên đó. Trong lễ xưa là bạn tặng cho, anh em đồng lứa của bạn, đồng học bạn bè tặng cho bạn, chỗ này gọi là tự. Sau khi trưởng thành thì không có người nào gọi đến danh của bạn. Gọi đến danh của bạn là rất không cung kính đối với bạn. Con trai 20 tuổi đội mũ lễ thành niên. Đội mũ lễ là gì vậy? Là đội nón. Khi đội cái nón này là người lớn rồi, không còn là trẻ nhỏ nữa, phải tôn trọng đối với họ, phải có lễ, gọi tự không gọi tên. Con gái 16 tuổi trưởng thành, chải tóc, cũng phải tôn trọng đối với cô ấy, cũng là gọi tự không gọi tên. Ngay trong một đời gọi tên chỉ có hai người, việc này phải nên biết. Người thứ nhất là cha mẹ, cha mẹ cả đời gọi tên của bạn. Người thứ hai là thầy giáo, thầy giáo cả đời gọi tên bạn. Cho dù bạn làm quan ở triều đình, Hoàng Đế cũng tôn trọng đối với bạn, không gọi tên của bạn, cũng chỉ gọi tự của bạn. Nếu như Hoàng Đế gọi tên của bạn thì bạn có tội rồi, bạn phạm pháp rồi, phạm tội rồi, vậy thì gọi tên bạn.

A Di Đà Phật!

Cẩn dịch: Vọng Tây cư sĩ